

Tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở Việt Nam

VŨ THANH SƠN

Tương quan giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập đã được nghiên cứu và khảo sát ở nhiều quốc gia trong các giai đoạn phát triển khác nhau. Ở Việt Nam trong những năm đổi mới - nhất là 10 năm trở lại đây, vấn đề này cũng ngày càng thu hút được sự quan tâm nghiên cứu. Bài viết luận giải mối tương quan giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập, đồng thời đề xuất một số chính sách với Việt Nam.

1. Tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở Việt Nam

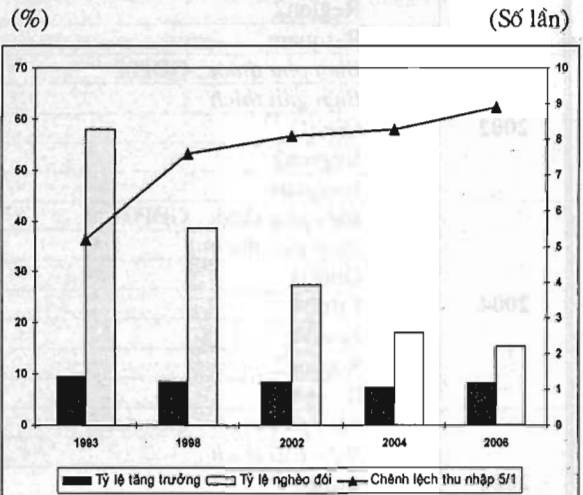
Tương quan giữa tăng trưởng và tình trạng bất bình đẳng phân phối thu nhập ở Việt Nam là chủ đề được nhiều học giả và nhà quản trị công quan tâm trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nhiều kết quả nghiên cứu định tính và định lượng với hệ thống các đề xuất là những gợi ý có ý nghĩa cho việc hoàn thiện quan hệ phân phối và xử lý vấn đề bất bình đẳng thu nhập trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

Xét tổng thể, Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng về tăng trưởng và giảm nghèo. Nếu xem xét bất bình đẳng tuyệt đối, khoảng cách giữa nhóm 20% những người giàu nhất và 20% những người nghèo nhất đã và đang được nới rộng đáng kể. Hình 1 phản ánh mức độ tăng trưởng, giảm nghèo và chênh lệch thu nhập của Việt Nam trong giai đoạn 1993-2006.

Tỷ lệ tăng trưởng của Việt Nam luôn ở mức cao so với các quốc gia trong khu vực (trên 7,5%), tỷ lệ nghèo đói cũng giảm rất ấn tượng, từ 58,1% năm 1993 xuống còn 15,5% năm 2006. Tuy vậy, chênh lệch thu nhập nhóm 5/1 có xu hướng tăng lên, từ 5,2 lần năm 1993 lên 8,9 lần năm 2006. Hệ số Gini về chi tiêu cũng tăng lên từ 0,34 năm 1993 lên 0,37 năm 2006.¹ Mặc dù bất bình đẳng tương đối đo lường bằng hệ số Gini tăng không nhiều (vẫn

nằm trong khung chấp nhận được), khoảng cách tuyệt đối về thu nhập giữa các nhóm dân cư đã tăng lên tương đối nhiều².

HÌNH 1: Bức tranh tổng thể tăng trưởng, đói nghèo và chênh lệch thu nhập giai đoạn 1993-2006



Nguồn: Tổng cục Thống kê, các cuộc điều tra VLSS 1992/1993; 1997/1998, 2002, 2004 và 2006.

Nhiều công trình nghiên cứu khác chứng minh sự tương quan giữa tăng trưởng và tình

Vũ Thanh Sơn, TS., Học viện Chính trị-Hành chính khu vực I.

1. Trong thực tế, hệ số Gini cho các nước có phân phối thu nhập chênh lệch lớn nằm giữa 0,5 và 0,7, còn những nước có phân phối tương đối công bằng thì hệ số Gini nằm trong phạm vi 0,2 đến 0,35.

2. Lưu ý rằng bất bình đẳng theo tài sản của các nhóm dân cư chưa bao hàm trong tính toán này.

trạng bất bình đẳng thu nhập trong thời gian qua. TS. Lê Thanh Tâm sử dụng mô hình hồi quy bình phương nhỏ nhất OLS được sử dụng như công cụ tin cậy trong việc xác định tương quan tăng trưởng với bất bình đẳng thu nhập. Mô hình có dạng thức như sau³:

$$GDP_{11} = \alpha_1 + \alpha_2 INEQUALITY_1 + \alpha_3 Z_1 + \varepsilon_1 \quad (1)$$

Hoặc

$$INEQUALITY_1 = \beta_1 + \beta_2 GDP_{12} + \beta_3 Z_1 + \mu_1 \quad (2)$$

Trong đó:

GDP_{11} : Tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh

theo năm⁴

GDP_{12} : Giá trị tuyệt đối của GDP theo giá so sánh năm 1994

INEQUALITY: Mức độ bất bình đẳng thu nhập, được đo lường bằng hệ số Gini

Z: Các biến số kinh tế và xã hội tác động đến tốc độ tăng trưởng hoặc đến mức độ bất bình đẳng, như chỉ số tuổi thọ trung bình, chỉ số giáo dục trung bình, vùng kinh tế⁵.

Kết quả ước lượng cụ thể của các mô hình được kiểm định qua F-test và t-test, ANOVA. Các ước lượng được thể hiện trong bảng 1.

BẢNG 1: Kết quả kiểm định dùng mô hình OLS⁶

Năm	Biến ⁷	1	2	
1998	<i>Biến phụ thuộc: GDP98⁸</i>			
	<i>Biến giải thích</i>			
	Gini98	23.317	(0.00)	
	Region2 ⁹	3.203	(0.009)	
	R-square	0.76		
	<i>Biến phụ thuộc: Gini98</i>			
	<i>Biến giải thích</i>			
	GDP98	2.029E-02	(0.00)	
Region2	7.475E-02	(0.042)		
R-square	0.75			
2002	<i>Biến phụ thuộc: GDP02¹⁰</i>			
	<i>Biến giải thích</i>			
	Gini02 ¹¹	27.493	(0.00)	
	Region2	3.153	(0.002)	
R-square	0.875			
2004	<i>Biến phụ thuộc: GDP04</i>			
	<i>Biến giải thích</i>			
	Gini04	10.155	(0.157)	10.471 (0.142)
	Life04 ¹²	4.535	(0.46)	8.519 (0.001)
	Edu04 ¹³	4.706	(0.41)	
	Region2	.181	(0.142)	
R-square	0.96		0.97	
2006	<i>Biến phụ thuộc: income06¹⁴</i>			
	<i>Biến giải thích</i>			
	Gap06 ¹⁵	70.242	(0.00)	
	Region2	24.752	(0.021)	
R-square	0.886			

Nguồn: Tính toán của tác giả trên phần mềm SPSS.

3. Phần này có tham khảo nghiên cứu của TS Lê Thanh Tâm, cộng tác viên của đề tài KX04.20/06-10.

4. Riêng đối với năm 2006, biến tăng trưởng được đo lường bằng biến thu nhập bình quân theo tháng. Biến INEQUALITY được đo lường bằng chênh lệch thu nhập 20% nhóm giàu nhất và 20% nhóm nghèo nhất.

5. Biến vùng là biến giả, trong đó 1 = tỉnh nằm trong khu vực phát triển hơn (vùng Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long), 0 = các vùng còn lại.

6. Chú ý: Tất cả các thống kê t-test trong ngoặc có ý nghĩa ở mức 10%.

7. Giá trị GDP theo giá so sánh 1994 (tỷ VND).

8. Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 1998.

9. Biến vùng, giá trị = 1 nếu tỉnh đó thuộc vùng phát triển, giá trị = 0 nếu tỉnh thuộc vùng kém phát triển hơn.

10. Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2002 của tỉnh.

11. Hệ số Gini tỉnh năm 2002.

12. Chỉ số tuổi thọ trung bình năm 2004.

13. Chỉ số giáo dục trung bình năm 2004.

14. Thu nhập bình quân đầu người theo tháng năm 2006.

15. Chênh lệch thu nhập 20% nhóm giàu nhất và 20% nhóm nghèo nhất.

Tham số của mức độ bất bình đẳng thu nhập trong tất cả các năm 1998, 2002, 2004 và 2006 đều có kết quả dương so với tỷ lệ tăng trưởng của GDP các tỉnh. Biến vùng cũng có mối quan hệ dương. Điều này cho phép rút ra 2 điểm kết luận cơ bản sau:

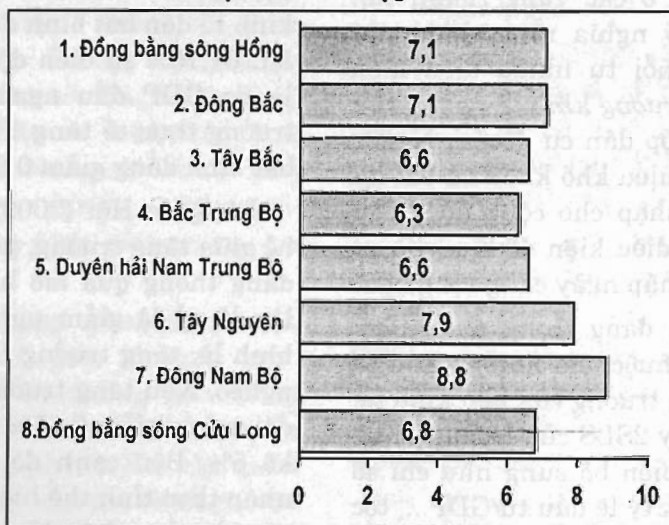
Thứ nhất, xét tổng thể nền kinh tế, bất bình đẳng quan hệ thuận chiều với tăng trưởng (+) trong điều kiện Việt Nam. Điểm này phù hợp với một số kết quả nghiên cứu đã phân tích ở trên. Tăng trưởng trong thời gian đầu phát triển tại Việt Nam gây ra mức bất bình đẳng tương đối, nhất là tại các tỉnh thuộc vùng kinh tế phát triển mạnh hơn.

Tham số của hệ số Gini hoặc chênh lệch giữa thu nhập 20% người giàu nhất và 20% người nghèo nhất có xu hướng tăng lên qua các năm (23,317 năm 1998; 27,49 năm 2002; 70,24 năm 2006). Điều này chứng tỏ mức độ

bất bình đẳng chung đã gia tăng trong giai đoạn 1998-2006, cùng với mức độ tăng trưởng kinh tế chung của các quốc gia. Mô hình OLS năm 2004 chứng tỏ rằng bất bình đẳng quan hệ cùng chiều với tăng trưởng GDP (10,471), mức độ tác động cao hơn so với chỉ số tuổi thọ trung bình của tỉnh đó (8,519).

Thứ hai, xét phạm vi vùng kinh tế, mức độ bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế cao hơn có mối quan hệ dương (+) ở các vùng phát triển kinh tế tốt hơn như vùng Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên. Kết luận này phù hợp với tính toán dựa vào số liệu của Tổng cục Thống kê. Chênh lệch lớn nhất là ở vùng Đông Nam Bộ (8,8 lần), Tây Nguyên (7,9 lần) và Đồng bằng sông Hồng (7,1 lần). Chênh lệch thấp nhất ở vùng Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ (hình 2).

HÌNH 2: Mức chênh lệch thu nhập nhóm 1 và nhóm 5, (lần)



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Đáng lưu ý rằng vùng Đông Nam Bộ là vùng phát triển mạnh nhất cả nước nhưng lại có mức chênh lệch thu nhập giữa nhóm 1 và nhóm 5 rất lớn. Điều này thể hiện sự phân hóa giàu nghèo đáng kể trong vùng kinh tế năng động và phát triển. Thực tế này cũng tương đồng với các kết quả nghiên cứu đã nêu trên. Vào giai đoạn tăng trưởng ban đầu, khoảng cách phân hóa giàu nghèo được nói

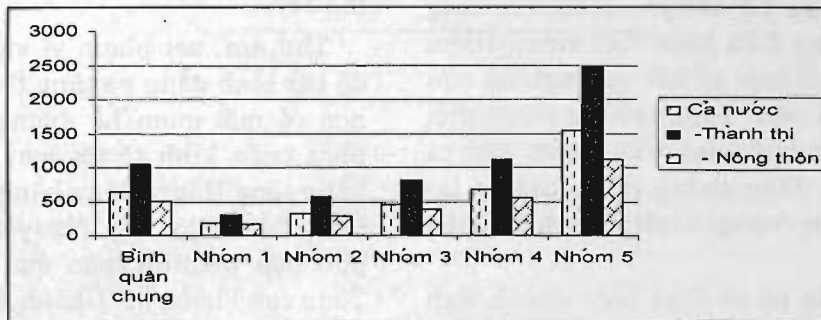
rộng hơn. Khu vực này có nhiều thuận lợi về điều kiện địa lý, kinh tế nên thu hút lượng vốn đầu tư lớn cho quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Một số nhóm người trong xã hội tận dụng được thời cơ nên trở nên giàu có hơn, bên cạnh đó những bộ phận dân cư khác trở nên nghèo hơn. Nói cách khác, các nhóm dân cư không được hưởng thụ thành tựu tăng trưởng kinh tế như nhau. Rõ ràng, một nhóm

người tận dụng cơ hội lớn, tiếp cận nguồn lực phát triển nên họ trở nên giàu có, ngược lại nhóm người còn lại đang bị tụt hậu so với tốc độ tăng trưởng.

Hình 3 thể hiện rõ mức độ chênh lệch giữa các nhóm thu nhập trên quy mô cả nước,

thành thị và nông thôn. Xét trong nội bộ từng nhóm thu nhập, nhóm dân cư thu nhập cao nhất (nhóm 1) sống ở thành thị và nông thôn có mức chênh lệch thu nhập không lớn so với mức chênh lệch của các nhóm thu nhập thấp, đặc biệt nhóm thu nhập (nhóm 5).

HÌNH 3: Mức độ chênh lệch thu nhập theo nhóm trên cả nước Đơn vị: 1000 đồng



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Tốc độ tăng thu nhập của nhóm thu nhập cao nhất cao hơn rất nhiều so với các nhóm thu nhập thấp hơn ở các vùng thành thị. Điều này cũng có ý nghĩa rằng thành thị vẫn là trung tâm hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế và tạo thu nhập cho các tầng lớp dân cư đô thị. Ngược lại, nông thôn còn nhiều khó khăn và bất lợi cho việc tăng thu nhập cho cộng đồng. Sự khác biệt về những điều kiện đó làm cho sự bất bình đẳng thu nhập ngày càng rộng hơn.

Mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố trong quá trình tăng trưởng của nền kinh tế. Theo kết quả hồi quy 2SLS của Hoàng Thủy Yến (2007) với các biến bổ sung như chỉ số phát triển con người, tỷ lệ đầu tư/GDP..., tốc độ tăng trưởng GDP có mối quan hệ trực tiếp và gián tiếp với mức độ chênh lệch thu nhập của nhóm dân cư thu nhập thấp nhất và cao nhất. Kết quả hồi quy cho thấy bất bình đẳng thu nhập tác động dương (+) trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế, song song với biến tỷ lệ đầu tư/GDP với mức ý nghĩa chấp nhận được (10% và 15%). Cụ thể, nếu bất bình đẳng thu nhập tăng thêm 1 đơn vị (nghĩa là chênh lệch giữa nhóm 20% giàu nhất và nhóm 20% nghèo nhất tăng thêm 1

lần), tăng trưởng kinh tế sẽ tăng thêm 1,06 điểm phần trăm với mức ý nghĩa 5%. Tuy vậy, phân tích tác động của tăng trưởng kinh tế đến bất bình đẳng cho kết quả ngược lại: 61,16% sự biến động của bất bình đẳng là do GDP đầu người, và nếu tỷ lệ tăng trưởng thực tế tăng 1% thì làm cho mức độ bất bình đẳng giảm 0,034%.

Lê Quốc Hội (2009) phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng, giảm nghèo và bất bình đẳng thông qua mô hình OLS với biến độc lập là tỷ lệ giảm nghèo. Kết luận của mô hình là: tăng trưởng GDP có tác dụng giảm nghèo. Nếu tăng trưởng kinh tế tăng 1% thì đói nghèo giảm 0,35% với mức ý nghĩa thống kê 5%. Bên cạnh đó, hàm ý của biến thu nhập theo tỉnh thể hiện rằng tỉnh thành nào có mức thu nhập bình quân đầu người ban đầu cao thì sẽ có điều kiện để thực hiện xóa đói giảm nghèo nhanh hơn. Tuy vậy, mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và xóa đói giảm nghèo là ngược chiều. Tỉnh, thành nào có hệ số Gini tăng thêm 1% thì tốc độ xóa đói giảm nghèo chậm lại 0,15%. Những địa phương nào có sự bất bình đẳng ban đầu cao hơn, sẽ giảm nghèo chậm hơn.

Tóm lại, tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng phân phối thu nhập ở Việt Nam trong

giai đoạn CNH, HĐH có những quan hệ chặt chẽ. Thông qua kết quả kiểm định mô hình ở trên, chúng ta rút ra các kết luận sau:

1) Trong điều kiện Việt Nam, bất bình đẳng và tăng trưởng có mối quan hệ hữu cơ. Ở giai đoạn phát triển ban đầu CNH, Việt Nam phải đối mặt với sự vận động cùng chiều: tạo thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế nhanh, song song với nó là phân phối thu nhập kém công bằng hơn. Theo Báo cáo của UNDP, nhóm 20% dân cư giàu nhất nhận được 40% lợi ích an sinh xã hội, trong khi nhóm 20% dân cư nghèo nhất chỉ nhận được 7%. Nhóm dân cư giàu nhất được hưởng 35% trợ cấp giáo dục, ngược lại, nhóm dân nghèo nhất chỉ được hưởng 15%.

2) Sự phân hóa thu nhập giàu-nghèo theo nhóm dân cư tăng lên nhanh hơn khi quá trình đô thị hóa và CNH, HĐH được thúc đẩy mạnh hơn. Tỷ lệ dân số làm việc trong nông nghiệp và sống ở nông thôn rất lớn so với phần dân số làm việc ở thành thị, khu công nghiệp và dịch vụ. Cơ hội việc làm và thu nhập cao đối với dân số nông thôn, nông nghiệp hạn chế hơn dân cư thành thị công nghiệp. Cụ thể, Việt Nam còn đang phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp, nông thôn (80% dân số và 75% lao động sống trong khu vực nông thôn)¹⁶.

3) Sự phân cực không gian phát triển theo vùng kinh tế trở nên rõ ràng hơn. Những vùng kinh tế có những yếu tố tự nhiên thuận lợi như địa hình, khí hậu, vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng phát triển, tập quán và trình độ dân cư, tiếp cận thị trường... tất yếu có những lợi thế nhất định cho phát triển. Ngược lại, những vùng kinh tế khó khăn sẽ đối mặt với sự phát triển kém. Như vậy, do những điều kiện tự nhiên đó, khả năng tăng tốc của các vùng kinh tế là khác biệt nhau. Không gian phát triển tốt chỉ có ở những vùng kinh tế hội tụ được những điều kiện thuận lợi. Trong điều kiện đó, khả năng tăng thu nhập của các nhóm dân cư cũng có nhiều thuận lợi hơn so với dân cư ở các vùng khó khăn hơn. Chẳng hạn, dân cư

ở các vùng Tây Bắc, Bắc Trung Bộ chịu ảnh hưởng của những điều kiện địa lý tự nhiên không thuận lợi như dân cư ở Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

4) Sự gia tăng bất bình đẳng trong phân bổ các nguồn lực phát triển và thành tựu phát triển trong các ngành, vùng kinh tế. Những kết quả phân tích ở trên hàm ý rằng sự chia sẻ hay hưởng thụ thành tựu phát triển giữa các ngành và vùng kinh tế không như nhau. Nguồn đầu tư được tập trung vào những vùng thuận lợi khả năng sinh lời cao, hay vào những ngành có cơ hội kinh doanh hoàn vốn nhanh và tỷ suất sinh lời cao. Đến lượt nó, những thành tựu tăng trưởng đó lại tạo thuận lợi cho những nhóm dân cư làm việc trong các vùng đó nhiều hơn như phúc lợi xã hội, điều kiện giáo dục đào tạo, tiếp cận tri thức mới.

2. Một số đề xuất chính sách đối với Việt Nam

Trên cơ sở những phát hiện nghiên cứu nêu trên, chúng ta có thể đưa ra 4 đề xuất hàm ý chính sách về giải quyết mối tương quan tăng trưởng và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở Việt Nam.

Thứ nhất, lựa chọn chiến lược tăng trưởng thực tế hơn trong từng thời kỳ phát triển

Như ở trên đã chứng minh tăng trưởng có quan hệ với vấn đề bất bình đẳng thu nhập. Nhưng điều cần lưu ý rằng mối quan hệ này không phải lúc nào cũng theo một chiều nhất định. Rõ ràng bằng những cơ sở lý thuyết và thực nghiệm, trong từng giai đoạn khác nhau mục tiêu tăng trưởng và bình đẳng xã hội cần phải có sự đánh đổi nhất định. Do vậy, không thể duy ý chí chỉ để giải quyết hai mục tiêu này một cách hoàn hảo khi các tiền đề hậu thuẫn không có đủ.

Đối với điều kiện Việt Nam, trong giai đoạn đầu phát triển với sự khan hiếm tất cả các nguồn lực cho phát triển, việc giải quyết triệt

16. Tổng cục Thống kê.

để bình đẳng trong phân phối thu nhập là khó khả thi. Cần phải nhận thức rằng ngay bản thân quá trình tăng trưởng đồng thời tạo ra cơ hội để giảm thiểu bất bình đẳng và cũng tạo ra những tiền đề mới tiềm ẩn gây ra khả năng bất bình đẳng. Trong đó, cơ hội mới nảy sinh rất đa dạng, nhưng không phải người nào cũng có thể nắm bắt và tận dụng nó một cách hiệu quả như nhau.

Nếu phân bổ những thành tựu hiện tại không phù hợp sẽ tạo ra sự bất bình đẳng trầm trọng hơn. Nhiều nhóm người sẽ không tiếp cận được cơ hội phát triển hiện có như vốn đầu tư, tri thức công nghệ, kỹ năng lao động mới, thông tin thị trường, giáo dục đào tạo... Chính đó là điều kiện dẫn tới tình trạng bất bình đẳng trong quá trình phát triển.

Điều quan trọng ở đây là cần một tiếp cận chính sách "thực dụng" hơn để tạo không gian, điều kiện dân chủ và công khai để mỗi người tự xác định cơ hội và hiện thực hóa chúng theo năng lực của mình. Nói cách khác, cần phải tạo cơ hội phát triển bình đẳng thay vì xác định bình đẳng trong việc chia 'cái đã rồi' cho mọi nhóm dân cư.

Thứ hai, độc lập phát huy các lợi thế so sánh của ngành, vùng kinh tế

Thực tế, điều kiện phát triển của từng vùng kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện tự nhiên, tri thức địa phương. Việc xóa bỏ những sự khác biệt khách quan là không thể. Điều có thể làm là thiết lập cơ chế chính sách để khuyến khích các vùng khác nhau tận dụng tốt nhất lợi thế so sánh để đạt tốc độ cao nhất có thể, tạo ra tiền đề kinh tế - xã hội tốt nhất góp phần khắc phục khác biệt về thu nhập và cơ hội phát triển.

Tiếp cận phát triển bất cân xứng vùng cần được nhận thức một cách thực tế hơn trong chiến lược phát triển hiện nay. Việc quy hoạch và cơ chế phân phối lại thành tựu phát triển giữa các vùng phát triển và chậm phát triển cần phải được luận giải trên căn cứ khoa học, tránh duy ý chí cảm tính, chạy theo phong trào. Sự kết hợp hữu cơ giữa cơ cấu kinh tế ngành và vùng-miền cần phải bảo đảm theo

nguyên tắc hỗ trợ lẫn nhau, tuân thủ quy hoạch phát triển tổng thể và nguyên lý thị trường.

Thứ ba, thu hẹp dần khoảng cách giàu-nghèo giữa các nhóm dân cư trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế

Trước hết, cần phải tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi người dân tiếp cận với những hệ thống an sinh, phúc lợi xã hội, kết cấu hạ tầng cứng và mềm của nền kinh tế. Để thực hiện công bằng trong kinh tế, điều quan trọng trước tiên là cần đảm bảo công bằng về cơ hội làm việc, bình đẳng trong sử dụng các nguồn lực phát triển và được đối xử bình đẳng trước pháp luật.

Những thành tựu tăng trưởng cần phải định hướng cho người nghèo, dễ bị tổn thương. Đây là yếu tố chủ chốt để duy trì sự tăng trưởng có lợi cho người nghèo. Khu vực tư nhân phát triển sẽ cung cấp cơ hội việc làm và thu nhập, góp phần tăng trưởng dựa vào lợi thế so sánh của các vùng, ngăn cản sự gia tăng chênh lệch giữa các cơ hội thu nhập ở nông thôn và thành thị, cung cấp mạng lưới an sinh cho những người dễ bị tổn thương, nhất là ở vùng nông thôn. Chính phủ nên tạo ra sân chơi công bằng cho các doanh nghiệp ngoài nhà nước, mở rộng khả năng tiếp cận của dân chúng với các loại nguồn lực phát triển. Tăng cường tính công bằng trong các loại thị trường như tài chính, lao động, hàng hóa và dịch vụ, bất động sản để người nghèo có thể tiếp cận dễ dàng hơn với tín dụng, các cơ hội nghề nghiệp.

Hệ thống an sinh xã hội cần tập trung vào các nhóm chính sách: (i) trợ giúp việc làm cho các đối tượng bị tác động nghịch của quá trình đô thị hóa, CNH như lao động dôi dư do chuyển dịch cơ cấu ngành và vùng kinh tế; (ii) bảo hiểm xã hội như chế độ hưu trí, bảo hiểm xã hội và y tế, trợ cấp mất sức lao động, ốm đau, thai sản, bệnh nghề nghiệp; (iii) trợ giúp cho những đối tượng cần được ưu đãi đặc biệt (người có công, thương binh, gia đình liệt sỹ, (iv) trợ giúp xã hội cho các đối tượng yếu thế

như trẻ em mồ côi, người già cô đơn, người tàn tật, người nhiễm HIV/AIDS...(v) các chương trình trợ giúp người nghèo gián tiếp và trực tiếp như chương trình 135, 30A, 159...

Thứ tư, tăng cường hiệu lực điều tiết vĩ mô về phân phối thu nhập

Trước hết, sự điều tiết nhà nước về phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường khác hoàn toàn với nền kinh tế mệnh lệnh tập trung. Trong nền kinh tế thị trường không thể chấp nhận sự bình quân cào bằng, ngược lại, đòi hỏi sự thể hiện năng lực cá nhân trong việc tự chủ sản xuất-kinh doanh và tự chủ về thụ hưởng thu nhập tương xứng với công lao bỏ ra. Dưới góc độ đó, quản lý nhà nước về phân phối-thu nhập là tạo khuôn khổ pháp lý rõ ràng cho các chủ thể tối ưu hóa năng lực riêng theo tín hiệu thị trường.

Điều quan trọng là hoàn thiện các công cụ điều tiết quan hệ phân phối-thu nhập tương thích cơ chế thị trường. Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế nói chung và lĩnh vực phân phối-thu nhập nói riêng bằng hệ thống pháp luật, công cụ kế hoạch hóa, chính sách và đòn bẩy kinh tế nhằm thúc đẩy kinh tế tăng trưởng bền vững, bảo đảm công bằng xã hội. Nhà nước phải tạo không gian tự do cho mọi chủ thể kinh tế vận động linh hoạt theo tín hiệu thị trường. Họ được độc lập, tự chủ phát huy năng lực riêng để làm giàu chính đáng.

Các công cụ này bảo đảm môi trường thuận lợi cho những chủ thể kinh tế thể hiện năng lực tối ưu hóa lợi ích riêng của mình, chẳng hạn làm giàu hợp pháp, đồng thời bảo đảm khả năng giải quyết thỏa đáng các vấn đề xã hội như giảm nghèo đói. Việc khuyến khích làm giàu hợp pháp không chỉ dừng ở lời nói, khẩu hiệu hay động viên tinh thần, mà cần bằng hệ thống chính sách, công cụ được thể chế hóa phù hợp với quy luật thị trường. Bên cạnh đó, việc bảo đảm bình đẳng thu nhập cần dựa vào cơ chế phi thị trường với những can thiệp của bàn tay hữu hình. Hơn nữa, các công cụ điều tiết của nhà nước cần phải bảo đảm hiệu lực cao để triệt tiêu những hành vi vi phạm quan hệ lợi ích chính đáng trong hoạt

động kinh tế-xã hội¹⁷. Những hình thức phân phối thu nhập bất hợp pháp phải bị xử lý nghiêm minh và ngăn chặn kịp thời như lách luật trốn thuế dưới nhiều hình thức; kiếm lời bất chính thông qua gian lận thương mại, làm hàng giả, kém chất lượng; tổ chức kinh tế ngầm buôn lậu và rửa tiền; lạm dụng quyền lực và tài sản công để trục lợi riêng không chính đáng, tham nhũng...

Để bảo đảm tới mức có thể sự bình đẳng trong phân phối thu nhập, các công cụ tái phân phối trực tiếp (như chính sách thuế thu nhập, trợ cấp trực tiếp thông qua các chương trình hỗ trợ ngắn và dài hạn) và gián tiếp (cơ hội tiếp cận dịch vụ công như an sinh, giáo dục và đào tạo, cơ hội việc làm cho người có thu nhập thấp tham gia vào quá trình tăng trưởng) cần được sử dụng kết hợp một cách phù hợp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adams, R. H. 2003. "Tăng trưởng kinh tế, bất bình đẳng và đói nghèo: phát hiện từ bộ số liệu mới". Tài liệu nghiên cứu chính sách của Ngân hàng Thế giới, số 972, Ngân hàng Thế giới, Washington D.C.
2. Barro, J. R, 1999, "Inequality and Growth in a Panel of Countries", Harvard University.
3. Deininger, K and L Squire, 1997, "Economic Growth and Income Inequality: Reexamining the Link", Finance and Development, IMF.
4. Dollar, D and A Kraay, 2002, "Growth is good for the Poor", Journal of Economic Growth, No. 7.
5. Kuznets, S. 1955, "Economic Growth and Income Inequality", American Economic Review No. 45, 1-28.
6. Ravallion, M. & S. Chen, 1997, What Can New Survey Data Tell Us about Recent Changes in Distribution and Poverty?," World Bank Economic Review.
7. Hoàng Thùy Yến (2007), "Mối quan hệ giữa phân phối thu nhập và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam", Luận án thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân.
8. Lê Quốc Hội (2009), "Tác động của tăng trưởng và bất bình đẳng thu nhập đến xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam", Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 146, tháng 8-2009.
9. Tổng cục Thống kê, các cuộc điều tra VLSS 1992/1993; VLSS 1997/1998, VHLSS 2002, VLSSH 2004, VLSSH 2006.
10. Vũ Thanh Sơn. Phân phối lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 1+2/2010, tr. 74-78.

17. Vũ Thanh Sơn. Phân phối lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 1+2/2010, tr. 74-78.